TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: **337**/2024/HS-PT
Ngày 17/4/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông

Ông Trần Xuân Thảo.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Biểu - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 17 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 94/2024/HS-PT ngày 23 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo Chu Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Chu Văn T, sinh năm 1979; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện H1, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Văn hóa: 12/12; con ông Chu Văn B1, sinh năm 1942 và bà Đinh Thị N, sinh năm 1949; Gia đình có 4 anh em, bị can là con thứ 3; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị M, sinh năm 1983; bị cáo có 2 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2019; iền án: Bản án số 20 ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện H1 xử phạt 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" (chấp hành xong bản án ngày 14/10/2021); Tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 166 ngày 26/9/2007 của Tòa án nhân dân huyện H2, thành phố H3 xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong bản án ngày 15/5/2008). Ngày 20/8/2014, ngày 23/12/2014, ngày 24/01/2015, ngày 28/6/2015 và ngày 27/01/2016 bị Công an huyện H1 xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 08/9/2016, bị Công an huyện H1 xử phạt hành chính về hành vi mua số lô, số đề. Ngày 02/6/2017, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an tỉnh B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/6/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B. (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Chu Văn T: Luật sư Phạm Văn B2- Văn phòng luật sư Phạm Xuân A- Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Phố V1, thị trấn V1, huyện L, tỉnh B. (Có mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo*:** Chị **Trần Thị N1**, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn T1, xã H, huyện H1, tỉnh B; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị N1: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975; Địa chỉ: thôn T1, xã T3, huyện H1, tỉnh B; có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thanh H4 và chị Nguyễn Thị M không kháng cáo, các bị cáo không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 50 phút ngày 01/6/2023, tại đoạn đường thuộc thôn V, xã H, huyện H1, tỉnh B, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an xã H, huyện H1 kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát Z đang đỗ ở ven đường có biểu hiện nghi vấn. Lợi dụng sơ hở, một người phụ nữ ở trên xe ô tô đã mở cửa xe bỏ chạy. Trên xe ô tô có 01 người đàn ông đang ngồi ở hàng ghế sau khai tên là Chu Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã H, huyện H1. Thu giữ trên mặt ghế cạnh chỗ T ngồi 01 gói giấy màu trắng được quấn bằng dây chun nịt, bên ngoài được quấn bằng băng dính màu trắng, bên trong có 10 túi nilon màu xanh, mỗi túi đều chứa các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh nghi là ma tuý. T khai đây là ma túy hồng phiến mua của Nguyễn Văn G, sinh năm 1977, trú tại thôn H5, xã H6, huyện H1, T đang mang ma tuý đi bán cho khách thì bị cơ quan công an kiểm tra bắt giữ. Tổ công tác đã niêm phong tại chỗ số vật chứng nghi là ma tuý trong phong bì ký hiệu "QT1" và đưa T về Công an xã H, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra còn thu giữ của T số tiền 01 triệu đồng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, loại E, biển kiểm soát Z1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu O và một số giấy tờ khác. Thu giữ của anh Đào Đức A1, sinh năm 1999, trú tại thôn L1, xã S, thành phố B (là lái xe ô tô biển kiểm soát Z): 01 xe ô tô nhãn hiệu H7, biển kiểm soát Z, 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định.

Căn cứ lời khai của Chu Văn T, cùng ngày 01/6/2023, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh và yêu cầu Nguyễn Văn G đến Công an xã H làm việc, tại đây G xin đầu thú về hành vi bán ma tuý cho T và khai nhận mua ma tuý của Nguyễn Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn T1, xã T3, huyện H1. Cơ quan điều tra yêu cầu C đến Công an xã H làm việc thì C xin đầu thú và khai nhận về hành bán ma tuý cho G. Cơ quan điều tra tạm giữ của Nguyễn Văn G: 01 điện thoại

di động N2, 01 điện thoại di động I và 01 xe mô tô nhãn hiệu Y, loại N3, biển kiểm soát Z2; tạm giữ của Nguyễn Văn C: 01 điện thoại di động O, 01 xe ô tô nhãn hiệu S1, biển kiểm soát Z3 và một số đồ vật khác.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Chu Văn T, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn C, kết quả khám xét không thu giữ gì liên quan đến ma tuý.

Tại Kết luận giám định số 1017 ngày 07/6/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Trong 01 phong bì ký hiệu "QT1" đã được niêm phong gửi giám định: Các viên nén màu hồng đỏ và màu xanh đựng trong 10 túi nilon màu xanh đều là ma tuý, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 139,008 gam.

Quá trình điều tra, Chu Văn T, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn C khai nhận về diễn biến hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 31/5/2023, có một người phụ nữ tên T4 nhà ở tỉnh B3 (T quen biết từ trước) gọi điện bảo T tìm mua hộ 10 túi ma túy hồng phiến, T đồng ý. Khoảng hơn 10 giờ ngày 01/6/2023, T gọi điện thoại cho G nhờ mua 10 túi ma túy hồng phiến, khi nào có ma tuý thì mang đến phòng Z4 nhà nghỉ H2 thuộc xã H6, huyện H1 đưa cho T, G đồng ý. Sau đó, G gọi điện cho C nhờ tìm mua số lượng ma tuý như T đặt với giá 4.500.000 đồng/túi thì C bảo để hỏi rồi báo lại sau. Lúc này C đang ngồi uống nước cùng một người tên T5 nhà ở xã Ngọc Vân, huyện Tân Yên, tỉnh B, C hỏi thì T5 bảo có ma tuý. C và T5 thống nhất giá bán 10 túi ma tuý hồng phiến là 45 triệu đồng, khi nào bán được ma tuý C sẽ đem tiền về trả T5 và T5 sẽ cho C 02 triệu đồng. C gọi điện thông báo với G và hẹn gặp nhau ở khu vực cây xăng Quân đội thuộc xã H6 để giao dịch mua bán ma tuý. T5 đi một lúc rồi quay lại đưa cho C 01 gói giấy màu trắng bên trong chứa 10 túi ma tuý hồng phiến. C cất gói ma tuý vào trong túi quần rồi điều khiển xe ô tô biển kiểm soát Z3 đi đến cây xăng Quân đội để gặp G. Khi gặp nhau, C đưa cho G gói ma tuý vừa mua được của T5. G hẹn khi nào bán được ma tuý sẽ gọi C đến lấy tiền, C đồng ý. Sau đó, G điều khiển xe mô tô biển kiểm soát Z2 đến nhà nghỉ H2 và lên phòng Z4 giao cho T. T nhận ma tuý rồi bảo G vào phòng chờ để T mang ma túy đi bán cho khách, xong sẽ mang tiền về trả và cho G thêm 01 triệu đồng. T gọi điện cho T4 báo giá 10 túi ma tuý là 47 triệu đồng, T4 đồng ý mua và bảo T đến khu vực cổng làng thôn V, xã H để giao dịch mua bán. T cầm số ma túy trên rồi đi xe mô tô biển kiểm soát Z1 đến khu vực đường thuộc thôn V thì thấy T4 đang ngồi trên một chiếc xe ô tô màu trắng. T đỗ xe lại rồi lên xe ngồi cùng T4 ở hàng ghế sau. T để gói ma túy trên lên mặt ghế giữa chỗ T và T4 ngồi. Đúng lúc này, lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ T, T4 lợi dụng sơ hở mở cửa xe chạy thoát. Tại Công an xã H, G và C đã đầu thú, khai nhận hành vi mua bán ma tuý như trên.

Đối với người phụ nữ tên T4 và người đàn ông tên T5, T và C đều không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của những người này. Tiến hành tra cứu, làm việc với

chủ thuê bao số điện thoại T và C khai là của T4 và T5 nhưng không có kết quả nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

Về vật chứng, tài sản thu giữ, kết quả điều tra xác định: 01 xe ô tô biển kiểm soát Z, 01 đăng ký xe, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng nhận kiểm định là của anh Đào Đức A1; anh Đức A1 không biết việc các đối tượng nêu trên mua bán ma tuý. Ngày 09/6/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Đức A1 xe ô tô và giấy tờ liên quan. Số tiền 01 triệu đồng của T và 01 điện thoại di động N2 của G không liên quan đến việc phạm tội; 01 điện thoại di động O của T, 01 điện thoại di động O của C và 01 điện thoại di động I của G sử dụng liên lạc khi phạm tội; 01 xe mô tô biển kiểm soát Z2 là của chị Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1992 (em họ của G), chị Huyền không biết G mượn xe để đi mua bán ma tuý; 01 xe ô tô biển kiểm soát Z3 là của chị **Trần Thị N1**, sinh năm 1976 (vợ C); 01 xe mô tô biển kiểm soát Z1 là của chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 (vợ T); chị N1 và chị M không biết C và T sử dụng xe đi mua bán ma tuý.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P1 ngày 17/10/2023 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố các bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn C về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B, đã quyết định:

1. Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Chu Văn T** 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; thời gian tù tính từ ngày 01/6/2023.

2. Về xử lý tài sản, vật chứng**:** Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, biển kiểm soát Z3, số khung R, số máy F, sản xuất năm 2022, thể tích 970cm^3, xe đã qua sử dụng. 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát Z3, 01 giấy chứng nhận kiểm định số Z5, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số Z6.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng khác, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 19/12/2023, bị cáo Chu Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 29/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị** N1 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 vì đây là tài sản của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Bị cáo Chu Văn T rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là chị **Trần Thị N1** (vợ của Nguyễn Văn C) vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của chị N1 là ông Nguyễn Văn T2 trình bày quan điểm kháng cáo: Xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn C, chị **Trần Thị N1**. Việc Nguyễn Văn C sử dụng xe vào việc phạm tội chị N1 không biết. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng trả lại xe ô tô cho chị N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chu Văn T rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 3 Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự; đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo đã rút.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 cho chị thì thấy: Xe này là tài sản chung của vợ chồng Nguyễn Văn C, **Trần Thị N1** trong thời kỳ hôn nhân nhưng đã bị Nguyễn Văn C sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội. Tòa án sơ thẩm tuyên tịch thu các phương tiện nêu trên để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ, đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có cơ sở chấp nhận kháng cáo kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** về việc đề nghị sửa bản án sơ thẩm để trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 nêu trên.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 20/12/2023, bị cáo Chu Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** có đơn kháng cáo trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người kháng cáo là chị **Trần Thị N1** vắng mặt nhưng có mặt đại diện theo ủy quyền của chị N1 là ông Nguyễn Văn T2 nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Chu Văn T rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Xét việc rút kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và không liên quan đến kháng cáo khác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt mà bị cáo đã rút theo quy định tại Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[4] Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** đề nghị Tòa án phúc thẩm xét xử vụ án theo hướng trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 cho chị:

[4.1] Căn cứ khai nhận của các bị cáo Chu Văn T, Nguyễn Văn G và Nguyễn Văn C trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có tại hồ sơ vụ án thể hiện:

Hồi 11 giờ 50 phút ngày 01/6/2023, tại đoạn đường thuộc thôn V, xã H, huyện H1, tỉnh B, tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh B phối hợp với Công an xã H, huyện H1 phát hiện, bắt quả tang Chu Văn T đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy với một người phụ nữ.

Qua đấu tranh khi thác, T khai đây là ma túy hồng phiến mua của Nguyễn Văn G. Tiến hành điều tra, Nguyễn Văn G khai nhận về hành vi mua ma tuý của Nguyễn Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn T1, xã T3, huyện H1 để bán ma tuý cho T. Cơ quan điều tra đã làm rõ về hành vi của Nguyễn Văn C bán ma tuý cho G. Quá trình điều tra, C khai nhận đã sử dụng xe ô tô nhãn hiệu S1, biển kiểm soát Z3 là tài sản chung của vợ chồng để làm phương tiện thực hiện các hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự tuyên phạt Nguyễn Văn C 20 (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; tịch thu sung quỹ Nhà nước các tài sản là công cụ, phương tiện phạm tội, trong đó có 01 xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, biển kiểm soát Z3, số khung R, số máy F, sản xuất năm 2022, thể tích 970cm^3, xe đã qua sử dụng. 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát Z3, 01 giấy chứng nhận kiểm định số Z5, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số Z6.

[4.2] Sau khi xét xử sơ thẩm, Nguyễn Văn C không kháng cáo. Tuy nhiên, vợ của C là chị **Trần Thị N1** kháng cáo cho rằng 01 xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, biển kiểm soát Z3 nêu trên là tài sản của chị, Nguyễn Văn C sử dụng xe vào mục đích phạm tội chị không biết nên đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 cho chị.

[4.3] Xét thấy: Đối với xe ô tô biển kiểm soát Z3 là tài sản chung của Nguyễn Văn C, **Trần Thị N1** được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Nguyễn Văn C sử dụng xe làm công cụ phương tiện phạm tội không bàn bạc, thông báo với chị N1. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự thì phải tịch thu toàn bộ công cụ phương tiện phạm tội mà không phụ thuộc vào việc chị N1 có lỗi hay không trong trường hợp bị cáo sử dụng tài sản chung đó làm công cụ, phương tiện phạm tội. Do đó, Tòa án sơ thẩm tuyên tịch thu các phương tiện nêu trên để sung quỹ Nhà nước là có căn cứ

pháp luật quy định về xử lý vật chứng của vụ án hình sự. Kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm để trả lại xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, BKS Z3 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tòa án sơ thẩm cũng đề cập trường hợp chị N1 có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản hay yêu cầu bồi thường một phần giá trị tài sản chung mà bị cáo tự ý sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội thì khởi kiện bằng vụ án khác để giải quyết theo pháp luật dân sự là đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của chị N1. Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên phần xử lý vật chứng là xe ô tô biển kiểm soát Z3 tại bản án sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Về án phí: Hội đồng xét xử đình chỉ đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên bị cáo Chu Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1** không được chấp nhận nên chị N1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 348, Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Chu Văn T; giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo Chu Văn T tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Chu Văn T 20** (Hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; thời gian tù tính từ ngày 01/6/2023.

2. Không chấp nhận kháng cáo về phần xử lý vật chứng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị **Trần Thị N1**; giữ nguyên phần xử lý vật chứng bị kháng cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HSST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B như sau:

"3. Về xử lý tài sản, vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

3.2. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước tài sản: 01 xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, biển kiểm soát Z3, số khung R, số máy F, sản xuất năm 2022, thể tích 970cm^3, xe đã qua sử dụng. 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát

Z3, 01 giấy chứng nhận kiểm định số Z5, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số Z6.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

- Bị cáo Chu Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Chị **Trần Thị N1** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ I -TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Bị cáo (qua TTG);
- Người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS; HCTP, TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN		THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Vũ Đông	**Trần Xuân Thảo**	**Lê Thị Mai**

xe mô tô BKS 98D1 679.12 và

[1]. Về tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về tội danh của bị cáo HĐXX thấy: Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định:

Khoảng 11 giờ ngày 01/6/2023, tại khu vực cây xăng Quân đội thuộc xã H6, huyện H1, tỉnh B, Nguyễn Văn C, sinh năm 1980, trú tại thôn T1, xã T3, huyện H1 đã đưa cho Nguyễn Văn G, sinh năm 1977, trú tại thôn H5, xã H6, huyện H1 139,008 gam ma tuý Methamphetamine để G đem bán. G mang số ma tuý này đến nhà nghỉ H2 thuộc xã H6, huyện H1 đưa cho Chu Văn T, sinh năm 1979, trú tại thôn V, xã H, huyện H1. Hồi 11 giờ 50 phút ngày 01/6/2023, khi T mang số ma tuý này đến đoạn đường thuộc thôn V, xã H, huyện H1 để bán cho khách thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang. Tổng khối lượng chất ma túy Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn G và Chu Văn T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép là **139,008** gam, loại Methamphetamine.

Như vậy, các bị cáo đã có hành vi cất giấu ma túy một cách bất hợp pháp, biết rõ việc mua bán ma túy là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện việc mua bán ma túy để kiếm lời. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Đều nhận thức được các chất ma túy do Nhà nước quản lý và nghiêm cấm công dân tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép. Người nào có hành vi tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng theo quy định của Bộ luật hình sự và các văn bản hướng dẫn thi hành thì sẽ bị xử lý bằng pháp luật hình sự. Hành vi của các bị cáo được thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B truy tố các bị cáo theo tội danh trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3]. Đánh giá tính chất của vụ án và hành vi của các bị cáo: Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo trong vụ án đều là người có hành vi mua bán độc lập, không bàn bạc gì, đều thống nhất việc mua và bán chuyển tiếp cụ thể: Sau khi có thông tin người có tên là T4 cần tìm mua 10 gói ma túy hồng phiến, T gọi điện thoại cho G để tìm mua. G đã gọi điện cho C nhờ tìm mua số lượng ma tuý như T đặt. C đã tìm gặp T5. Giữa T5 và C thỏa thuận khi nào bán được ma túy T5 sẽ cho C 2 triệu đồng. T5 đưa cho C 10 túi ma tuý hồng phiến. C đã giao ma túy cho G. G đã giao ma túy cho T. T nhận ma tuý tìm gặp T4 để giao thì bị lực lượng Công an kiểm tra, bắt giữ T. Như vậy, các bị cáo phải chịu về hành vi mua bán ma túy độc lập của các bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, mặc dù các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán trái phép chất ma tuý là hành vi vi phạm pháp luật hình sự và phải chịu hình phạt nghiêm

khắc theo quy định của Bộ luật hình sự. Ma túy đã trở thành mối hiểm họa chung của từng quốc gia và toàn nhân loại, đi cùng với đó là sự nghèo đói và bệnh tật, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây tác hại về nhiều mặt đối với đời sống xã hội. Tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo bị truy tố về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm hại đến chế độ quản lý của Nhà nước về chất ma tuý, tiếp tay cho việc mua bán, vận chuyển, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy.

Tuy nhiên, vì mục đích kiếm lợi bất chính và lợi ích vật chất, các bị cáo vẫn cố tình thực hiện các hành vi phạm tội. Do vậy, cần xử nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Chu Văn T năm 2018 bị Tòa án nhân dân huyện H1 xử phạt 05 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" chưa được xóa án nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn G năm 2011 bị Toà án nhân dân huyện H1 xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Tổ chức đánh bạc". Năm 2014 bị Toà án nhân dân huyện H1 xử phạt 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý"; tổng hợp với hình phạt của bản án số 35 ngày 31/5/2011, buộc bị cáo phải chấp hành 11 năm tù nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn C năm 2017 bị Toà án nhân dân huyện Tân Yên xử phạt 7 năm 6 tháng tù về tội "Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma tuý", bị cáo đã phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án nay lại thực hiện hành vi về tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm nguy hiểm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra bị cáo Chu Văn T có nhân thân xấu: Năm 2007 bị Tòa án nhân dân huyện H2, thành phố H3 xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Trong thời gian ngày 23/12/2014, ngày 24/01/2015, ngày 28/6/2015 và ngày 27/01/2016 bị Công an huyện H1 xử phạt hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 08/9/2016, bị Công an huyện H1 xử phạt hành chính về hành vi mua số lô, số đề. Ngày 02/6/2017, bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma tuý Công an tỉnh B xử phạt hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Nhưng cả ba bị cáo không lấy đó làm bài học để sửa sai lại tiếp tục có hành vi phạm tội, chứng tỏ các bị cáo có thái độ coi thường pháp luật.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo C và bị cáo G đầu thú về hành vi phạm tội của mình; bị cáo C có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến nên bị cáo C và bị cáo G được áp dụng thêm

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Đối với Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo G HĐXX thấy: Việc bị cáo G khai mua ma túy của C chỉ thể hiện G thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, trên cơ sở lời khai của G thì cơ quan điều tra yêu cầu G gọi điện cho C để tiến hành bắt giữ C chứ không phải thể hiện G giúp đỡ cơ quan điều tra phát hiện tội phạm mới. Bị cáo G đã được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" nên không có căn cứ áp dụng cho bị cáo thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của luật sư.

Đánh giá mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử thấy cần phải có mức án nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, biết tuân thủ pháp luật như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Đối với người phụ nữ tên T4 và người đàn ông tên T5. Bị cáo T và C đều không biết lai lịch, địa chỉ cụ thể của những người này. Tiến hành tra cứu, làm việc với chủ thuê bao số điện thoại T và C khai là của T4 và T5 nhưng không có kết quả nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát Z3 bị cáo C sử dụng vào việc đi mua bán ma túy và 01 xe mô tô biển kiểm soát Z1 bị cáo T sử dụng vào việc đi mua bán ma túy. Xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo C, xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng bị cáo T, đều được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo T và C dùng tài sản chung của vợ chồng làm công cụ phương tiện phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự thì phải tịch thu toàn bộ công cụ phương tiện phạm tội đó mà không phụ thuộc vào chị M hay chị N1 có lỗi hay không trong việc để cho bị cáo sử dụng tài sản chung đó làm công cụ, phương tiện phạm tội. Do đó việc chị M và đại diện theo ủy quyền của chị N1 xin lại tài sản nêu trên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp chị M và chị N1 có tranh chấp về quyền sở hữu hoặc yêu cầu bồi thường một phần giá trị của tài sản chung mà bị cáo dùng làm công cụ phương tiện phạm tội thì khởi kiện vụ án khác để giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện VKS tại phiên tòa:

Về án phí:

Vì các lẽ trên;

Căn cứ vào điểm … khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận/không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Chu Văn T;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

2. Giữ nguyên/sửa các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 15 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh B.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 251; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 khoản 1 Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: bị cáo **Chu Văn T 20** (hai mươi) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; thời gian tù tính từ ngày 01/6/2023.

Về xử lý tài sản, vật chứng**:** Áp dụng khoản 1 Điều 46; điểm a, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu S1 màu trắng, biển kiểm soát Z3, số khung RLSEDA21BNV208414, số máy F10AV1012521, sản xuất năm 2022, thể tích 970cm^3, xe đã qua sử dụng. 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát Z3, 01 giấy chứng nhận kiểm định số 5094077, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 1220091.

3. Về án phí:

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh B;
- CQ THA HS tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- Trại tạm giam CA tỉnh B;
- Bị cáo (qua TTG);
- Lưu HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mai

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Đông **Ong Thân Thắng** **Nguyễn Mạnh Tiến**